SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG
**TRƯỜNG THPT THƯỜNG TÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 019 /QĐ-THPTTT

*Bắc Tân Uyên, ngày 20 tháng 01 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH

## Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 4 năm 2024 của Trường THPT Thường Tân

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 11/01/2024 của Sở giáo dục và đào tạo Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 4 năm 2024 của Trường THPT Thường Tân *(Kèm đối chiếu dự toán quý 4 năm 2024 và biểu số 4)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hiệu trưởng, Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT;

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THƯỜNG TÂN

**Nguyễn Phúc Lộc**

*Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính*

Đơn vị: Trường THPT Thường Tân
Chương: 422

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày 20 tháng 01 năm 2025*

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

**Quý IV năm 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/6 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **1** | **Chi sự nghiệp** | | | | |
| a | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| b | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **2** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **1** | **Lệ phí** | | | | |
| **2** | **Phí** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | | **2.969.105.363** | | |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | | **2.969.105.363** | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ* | | | | |
| | *- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở* | | | | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | | | | |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |



MISA Mimosa 2022

Đơn vị: Trường THPT Thường Tân
Chương: 422

| STT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/6 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | 0 | | |
| 31 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 32 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| 41 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 42 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| 51 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 52 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| 61 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 62 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| 71 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 72 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| 81 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 82 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| 91 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 92 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| 101 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 102 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | | | | |
| **II** | **Nguồn vốn viện trợ** | | | | |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |
| **III** | **Nguồn vay nợ nước ngoài** | | | | |

Đơn vị: Trường THPT Thường Tân
Chương: 422

| STT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý/6 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | | | | |
| **4** | **Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình** | | | | |
| **5** | **Chi bảo đảm xã hội** | | | | |
| **6** | **Chi hoạt động kinh tế** | | | | |
| **7** | **Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường** | | | | |
| **8** | **Chi sự nghiệp văn hóa thông tin** | | | | |
| **9** | **Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn** | | | | |
| **10** | **Chi sự nghiệp thể dục thể thao** | | | | |

*Ngày 20 tháng 01 năm 2025*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Chữ ký, dấu)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THƯỜNG TÂN

**Nguyễn Phúc Lộc**